

QUYẾT ĐỊNH số 1-KT/HĐNN7
ngày 28-8-1981 tặng danh hiệu
Anh hùng lực lượng vũ trang
nhân dân cho 14 đơn vị và 8
cán bộ, chiến sĩ thuộc lực
lượng Công an nhân dân.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

*Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng.*

QUYẾT NGHỊ

Tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng
vũ trang nhân dân cho 14 đơn vị và 8
cán bộ, chiến sĩ, có danh sách dưới đây,
thuộc lực lượng Công an nhân dân đã
lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong
công cuộc chống Mỹ, cứu nước và trong
sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
xã hội chủ nghĩa.

A. ĐƠN VỊ

1. Lực lượng công an nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lực lượng công an nhân dân tỉnh Hậu Giang.
3. Đội trinh sát vũ trang Cần Thơ, công an tỉnh Hậu Giang.
4. Đội trinh sát vũ trang Sóc Trăng, công an tỉnh Hậu Giang.
5. Ban an ninh huyện Mỹ Xuyên, công an tỉnh Hậu Giang.
6. Ban an ninh huyện Phụng Hiệp, công an tỉnh Hậu Giang.
7. Ban an ninh thị xã Cà Mau, công an tỉnh Minh Hải.
8. Ban an ninh thị xã Bạc Liêu, công an tỉnh Minh Hải.

9. Ban an ninh huyện Giá Rai, công an tỉnh Minh Hải.

10. Ban an ninh huyện Châu Thành, công an tỉnh Minh Hải.

11. Đội trinh sát vũ trang huyện Mộ Đức, công an tỉnh Nghĩa Bình.

12. Đội trinh sát vũ trang huyện Phù Cát, công an tỉnh Nghĩa Bình.

13. Phân trại cải tạo núi Cẩm thuộc trại cải tạo An Giang, công an tỉnh An Giang.

14. Đội chống gián điệp biệt kích, Cục chống gián điệp, Bộ Nội vụ.

B. CÁN BỘ, CHIẾN SĨ

1. Liệt sĩ Nguyễn Thị Hai, sinh năm 1929, nhân viên Ban bảo vệ xi nghiệp liên hiệp bột mì Bình Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: Chợ Lớn, trú quán số 24/7/1 Nguyễn Nhược Thi, phường 19, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Liệt sĩ Ngô Trọng Thiến, sinh năm 1951, trưởng ban an ninh huyện Hoài Nhơn, công an tỉnh Nghĩa Bình.

Quê quán: xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình.

3. Liệt sĩ Phạm Văn Nhờ (tức Mười Nhờ), sinh năm 1939, đội trưởng C2012 đơn vị bảo vệ tỉnh ủy Cần Thơ, công an tỉnh Hậu Giang.

Quê quán: xã Long Bình, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Liệt sĩ Dương Văn Diệp (tức Tư Bằng), sinh năm 1939, đội trưởng đội trinh sát vũ trang tỉnh Sóc Trăng, công an tỉnh Hậu Giang.

Quê quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải.

5. Liệt sĩ Trần Văn Việt, sinh năm 1953, thiếu úy cảnh sát bảo vệ công an thành phố Cần Thơ, công an tỉnh Hậu Giang.

Quê quán: xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh Minh Hải.

6. Liệt sĩ Nguyễn Tài Hải, sinh năm 1952, trung úy, phó trưởng công an phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, công an thành phố Hà Nội.

Quê quán: làng Vạn Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

7. Đồng chí Lê Văn Lân, sinh năm 1936, đội trưởng đội bảo vệ thành ủy Sài Gòn - Gia Định, nay là phó trưởng công an huyện Củ Chi, công an thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Đồng chí Hồ Văn Tăng, sinh năm 1933, đội trưởng đội an ninh vũ trang nay là đội trưởng đội bảo vệ A5 thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Quê quán: xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1981

Hội đồng Nhà nước

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

QUYẾT ĐỊNH số 2-KT/HĐNN7
ngày 28-8-1981 tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 21 đơn vị và 6 cán bộ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng,

QUYẾT NGHỊ

Tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 21 đơn vị và 6 cán bộ, theo danh sách dưới đây, thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

A. ĐƠN VỊ

1. Trung đoàn 24 bộ binh thuộc sư đoàn 10, quân đoàn 3 (tuyên dương lần thứ hai).

2. Trung đoàn 165 bộ binh thuộc sư đoàn 7, quân đoàn 4.

3. Trung đoàn 917 không quân thuộc sư đoàn 376 quân chủng không quân.

4. Trung đoàn 937 không quân thuộc sư đoàn 372 quân chủng không quân.

5. Tiểu đoàn 6 bộ binh thuộc trung đoàn 2, sư đoàn 9, quân đoàn 4.

6. Tiểu đoàn 8 bộ binh thuộc trung đoàn 209, sư đoàn 7, quân đoàn 4.

7. Tiểu đoàn 5 bộ binh thuộc trung đoàn 270, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

8. Tiểu đoàn 7 bộ binh thuộc trung đoàn 266, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

9. Tiểu đoàn 2 công binh thuộc lữ đoàn 7, quân đoàn 3.

10. Tiểu đoàn 18 thông tin thuộc sư đoàn 341, quân đoàn 4.

11. Tiểu đoàn 2 thông tin thuộc trung đoàn 575, quân khu 5.

12. Tiểu đoàn 17 thông tin thuộc sư đoàn 2, quân khu 5.

13. Đại đội 2 bộ binh thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn 866, sư đoàn 31, quân đoàn 3 (tuyên dương lần thứ hai).

14. Đại đội 5 bộ binh thuộc tiểu đoàn 5, trung đoàn 270, sư đoàn 341, quân đoàn 4.

15. Đại đội 5 bộ binh thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn 866, sư đoàn 31, quân đoàn 3.

16. Đại đội 1 bộ binh thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn 141, sư đoàn 7, quân đoàn 4.